

Bản án số:13/2017/KDTM – ST

Ngày 17-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Đắc

2. Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân TP. Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2016/TLST–KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2016, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX–ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH... VA.

Địa chỉ:, phường .., quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ng T; trú tại: số 72..., phường..., quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH ĐT . Địa chỉ:..., phường..., thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông P.Đ.T; trú tại: .., phường..., thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2016, nguyên đơn là Công ty VA và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2010, N.H XNK với Công ty ĐT do ông T làm đại diện ký kết 04 hợp đồng số: 1602LAV2010. 00711 ngày 26-8-2010; số

1602LAV2010. 00829 ngày 14-9-2010; số: 602LAV2010. 01128 ngày 10-11-2010 và số: 1602LAV2010. 01381 ngày 24-12-2010; tổng số tiền vay: 6.700.000.000 (Sáu tỷ bảy trăm triệu) đồng, thời hạn cho vay và mức lãi suất thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng, mục đích vay để mua xe ô tô khách nên tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên là những xe ô tô do Công ty Đ T mua đăng ký đứng tên chủ xe đồng thời ký thế chấp tài sản với ngân hàng theo các tài sản thế chấp số: 00275/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 26/8/2010; số: 00324/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 14/9/2010; số: 00424/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 10/11/2010; số: 00480/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 24/12/2010, cụ thể các loại xe sau:

+ 01 xe biển số: 72L-3277, hiệu Transinco, sản xuất năm 2008, màu sơn đỏ-trắng, số máy 8157406, số khung 001132, theo giấy đăng ký xe số: 002462 cấp ngày 23/8/2010.

+ 03 xe hiệu Daewoo, sản xuất năm 2007, màu xanh số khung 5A547D001150, 5A587D0011278 và A557D0011271, số máy G470R 700040, 0G470R700041 và 0G470R700067, biển kiểm soát: 72N-7499, 72N-9848 và 72N-9857, theo giấy đăng ký xe số: 001709 cấp ngày 06/9/2008; số: 010956 cấp ngày 31/7/2009 và số: 010954 cấp ngày 23/8/2010.

+ 01 xe biển số: 72L-3668, hiệu Transinco, sản xuất năm 2010, màu sơn đỏ-trắng, số máy D6AB 9180389, số khung TA18VPAA 001196, theo giấy đăng ký xe số: 003212 cấp ngày 26/10/2010.

+ 01 xe biển số: 72L-000.09, hiệu Transinco, sản xuất năm 2010, màu xanh, số máy D6AB 9180393, số khung TA18VPAA 001189, theo giấy đăng ký xe số: 003918 cấp ngày 16/12/2010.

Tính đến ngày 11-4-2017, Công ty Đ T còn nợ NH XNK tổng số tiền: 8.672.263.820 (Tám tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm hai mươi) đồng, trong đó; nợ gốc: 4.688.662.257 (Bốn tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm năm mươi bảy) đồng; nợ lãi trong hạn là: 3.171.290.827 (Ba tỷ một trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi ngàn tám trăm hai mươi bảy) đồng; nợ lãi quá hạn là: 812.310.736 (Tám trăm mười hai triệu ba trăm mười ngàn bảy trăm ba mươi sáu) đồng.

Do NH XNK bán nợ cho Công ty VA theo hợp đồng số 3944/2015/MBN.VAMC2-EXIMBANK ngày 12/6/2015; Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1- Công ty Đ T thanh toán cho VA toàn bộ số tiền: 8.672.263.820 (Tám tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm hai mươi) đồng, trong đó; nợ gốc: 4.688.662.257 (Bốn tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm năm mươi bảy) đồng; nợ lãi trong hạn là: 3.171.290.827 (Ba tỷ một trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi ngàn tám trăm hai mươi bảy) đồng; nợ lãi quá hạn là: 812.310.736 (Tám trăm mười hai triệu ba trăm mười ngàn bảy trăm ba mươi sáu) đồng. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 12-4-2017 cho đến khi Công ty Đ T thanh toán xong nợ cho VA theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

2- Trường hợp công ty Đ T không trả nợ hoặc trả không đủ thì phát mãi các tài sản thế chấp mà công ty Đức Tâm đã ký thế chấp tài sản số: 00275/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 26/8/2010; số: 00324/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 14/9/2010; số: 00424/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 10/11/2010; số: 00480/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 24/12/2010.

3- Nếu phát mãi tài sản không thu hồi đủ trả nợ thì Công ty Đ T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thi hành xong.

Yêu cầu của nguyên đơn được ghi nhận tại Tòa theo Biên bản hòa giải thành ngày 11-4-2017. Ngày 14-4-2017, VA làm đơn xin thay đổi nội dung hòa giải ngày 11-4-2017 với yêu cầu như sau:

Công ty Đ T phải thanh toán cho VA tổng số tiền: 8.672.263.820 (Tám tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm hai mươi) đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực; Các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Tại phiên Tòa hôm nay: chị Đ Thị Ng T giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, xác nhận lại số tiền Công ty ĐT còn nợ tính đến ngày 17-7-2017 là 9.718.804.895 đồng; trong đó: nợ gốc: 4.688.662.257 đồng, lãi trong hạn: 3.409.829.843 đồng, quá hạn: 1.620.312.795 đồng.

Số tiền lãi trong hạn chênh lệch so với số liệu tại biên bản hòa giải ngày 11-4-2017 là do NH tính nhầm về mức lãi suất theo thỏa thuận tại điều 4 có quy định: “nếu mức lãi suất cho vay công bố tại thời điểm thay đổi thấp hơn mức lãi suất cho vay ghi trong hợp đồng tín dụng thì vẫn giữ nguyên mức lãi suất nêu trong hợp đồng”.

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, đại diện theo pháp luật Công ty Đ T là ông T xác nhận:* Trong năm 2010 Công ty ĐT do ông làm đại diện có ký 04 hợp đồng với NH, các hợp đồng lần lượt sau số: 1602LAV2010. 00711 ngày 26/8/2010; số 1602LAV2010. 00829 ngày 14/9/2010; số: 602LAV2010. 01128 ngày 10/11/2010; số: 1602LAV2010. 01381 ngày 24/12/2010, tổng số tiền vay: 6.700.000.000 đồng, thời hạn cho vay và mức lãi suất thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng, mục đích vay để mua xe ô tô khách. Thế chấp tài sản theo đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Công ty ĐT còn nợ số tiền tại NH tính đến hết ngày 11-4-2017, tổng số tiền: 8.672.263.820 (Tám tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm hai mươi) đồng, trong đó; nợ gốc: 4.688.662.257 (Bốn tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm năm mươi bảy) đồng; nợ lãi trong hạn là: 3.171.290.827 (Ba tỷ một trăm bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi ngàn tám trăm hai mươi bảy) đồng; nợ lãi quá hạn là: 812.310.736 (Tám trăm mười hai triệu ba trăm mười ngàn bảy trăm ba mươi sáu) đồng. Công ty Đ T cam kết có trách nhiệm trả nợ cho VA..., nếu công ty không trả được nợ đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa ngày 16-5-2017, Công ty ĐT nộp đơn phản tố yêu cầu NH bồi thường cho Công ty Đ T số tiền thiệt hại là 3.122.603.500 đồng. Tại phiên xét xử hôm nay ông T vắng mặt.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tuy nhiên, thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn nhiều lần vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

+ Tại phiên xét xử : Hội đồng xét xử , thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử còn để vi phạm thời hạn hoãn phiên tòa. Bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại Tòa đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt của bị đơn.

+ Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc Công ty ĐT Trả cho VA... tổng số tiền 9.718.804.895 đồng; trong đó: nợ gốc: 4.688.662.257 đồng, lãi trong hạn: 3.409.829.843 đồng, quá hạn: 1.620.312.795 đồng, nếu công ty Đ T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì VA... được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản do Công ty Đ T thế chấp theo hợp đồng được ký kết.

Đối với yêu cầu khác của VA... không có cơ sở chấp nhận. Công ty Đ T có yêu cầu phản tố nhưng không thực hiện nghĩa vụ theo tố tụng nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty VA... khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty ĐT trả nợ, gốc, lãi theo hợp đồng đã ký kết; Công ty ĐT có trụ sở tại thành phố Vũng Tàu, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Vũng Tàu , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

[2.1]- NH với Công ty ĐT ký kết các hợp đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng số: 1602LAV2010. 00711 ngày 26/8/2010, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, số tiền nợ gốc chia thành 08 kỳ trả, mỗi kỳ trả cách nhau 06 tháng, trả lãi hàng tháng; Công ty Đ T đã nhận tiền vay theo khế ước nhận nợ số 1602-LDS-2010 00829 ngày 26-8-2010. Hợp đồng số: 1602LAV2010. 00829 ngày 14/9/2010, số tiền vay 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, số tiền nợ gốc chia thành 16 kỳ trả, mỗi kỳ trả cách nhau 03 tháng, trả lãi hàng tháng; Công ty Đ T đã nhận tiền vay theo khế ước nhận nợ số 1602-LDS-2010 00970 ngày 14/9/2010. Hợp đồng số: 1602LAV2010. 001128 ngày 10/11/2010, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, số tiền nợ gốc chia thành 06 kỳ trả, mỗi kỳ trả cách nhau 06 tháng, trả lãi hàng tháng; Công ty ĐT đã nhận tiền vay theo khế ước nhận nợ số 1602-LDS-2010 001306 ngày 10/11/2010. Hợp đồng số: 1602LAV2010. 001381 ngày 24/12/2010, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, số tiền nợ gốc chia thành 08 kỳ trả, mỗi kỳ trả cách nhau 06 tháng, trả lãi hàng tháng; Công ty Đ T đã nhận tiền vay

theo khế ước nhận nợ số 1602-LDS-2010 01595 ngày 24/12/2010. Cho thấy; việc vay tiền giữa hai bên là có thật.

[2.2]- Thực hiện hợp đồng;

Hợp đồng số 00711 ngày 26/8/2010, theo bảng chiết tính lãi vay ngày 17-7-2017 do NH cung cấp thể hiện Công ty Đ T trả 3 kỳ nợ gốc, nợ lãi trả đến ngày 13-02-2013 thì ngưng. Nợ gốc còn lại 920.000.000 đồng, lãi trong hạn 773.066.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 27-02-2012 đến ngày 17-7-2017 là 345.483.435 đồng, tổng số tiền: 2.038.549.435 đồng.

+ Hợp đồng số 00829 ngày 14/9/2010, theo bảng chiết tính lãi vay ngày 17-7-2017 do NH cung cấp thể hiện Công ty Đ T trả 4 kỳ nợ gốc, nợ lãi trả đến ngày 13-02-2013 thì ngưng. Nợ gốc còn lại 1.233.468.558 đồng, lãi trong hạn 930.775.374 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 15-12-2011 đến ngày 17-7-2017 là 435.103.052 đồng, tổng số tiền: 2.599.346.984 đồng.

+ Hợp đồng số 001128 ngày 10/11/2010, theo bảng chiết tính lãi vay ngày 17-7-2017 do NH cung cấp thể hiện Công ty Đ T trả 01 kỳ nợ gốc, nợ lãi trả đến ngày 13-02-2013 thì ngưng. Nợ gốc còn lại 1.240.000.000 đồng, lãi trong hạn 987.102.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 12-11-2011 đến ngày 17-7-2017 là 519.640.500 đồng, tổng số tiền: 2.746.742.500 đồng.

+ Hợp đồng số 001381 ngày 24/12/2010, theo bảng chiết tính lãi vay ngày 17-7-2017 do NH cung cấp thể hiện Công ty Đ T trả 1 kỳ nợ gốc, nợ lãi trả đến ngày 13-02-2013 thì ngưng. Nợ gốc còn lại 1.295.193.699 đồng, lãi trong hạn 718.886.469 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 25-12-2011 đến ngày 17-7-2017 là 320.085.808 đồng, tổng số tiền: 2.334.165.976 đồng.

Căn cứ khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, điều 3.2 của các hợp đồng tín dụng quy định thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày nhận nợ cho đến hết thời hạn của hợp đồng nhưng Công ty Đ T chỉ trả một phần nợ gốc cho 04 hợp đồng, nợ lãi trả đến ngày 13-02-2013 thì ngưng nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 12 tháng 6 năm 2015, NH bán khoản nợ vay của công ty Đ T cho Công ty VA... theo hợp đồng số 3944/2015/MBN.VAMC2-EXIMBANK; Do đó; Công ty VA... yêu cầu Công ty Đ T phải trả tổng số tiền 9.718.804.895 đồng là có cơ sở.

[2.3]- Tài sản bảo đảm; Hợp đồng số: 00275/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 26/8/2010 là xe khách nhãn hiệu Transinco sản xuất năm 2008, màu sơn đỏ-trắng, số máy 8157406, số khung 001132, theo giấy đăng ký xe số: 002462, biển kiểm soát 72L-3277 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 23/8/2010. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 00324/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 14/9/2010 là 03 xe khách nhãn hiệu Daewoo sản xuất năm 2007, màu xanh, số khung 5A547D001150, 5A587D0011278 và A557D0011271, số máy G470R 700040, 0G470R700041 và 0G470R700067, theo giấy đăng ký xe số: 001709, biển kiểm soát: 72N-7499 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 06/9/2008; theo giấy đăng ký xe số 010956, biển kiểm soát 72N-9848 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày

31/7/2009; theo giấy đăng ký xe số 010954, biển kiểm soát 72N-9857 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 23/8/2010. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 00424/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 10/11/2010 là xe khách nhãn hiệu Transinco sản xuất năm 2010, màu sơn đỏ-trắng, số máy D6AB 9180389, số khung TA18VPAA 001196, theo giấy đăng ký xe số: 003212, biển kiểm soát 72L-3668 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 26/10/2010. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 00480/EIBV-TD/BDTS/10 ngày 24/12/2010 là xe khách nhãn hiệu Transinco sản xuất năm 2010, màu xanh, số máy D6AB 9180393, số khung TA18VPAA 001189, theo giấy đăng ký xe số: 003918, biển kiểm soát 72L-000.09 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 16/12/2010. Tất cả các hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Đà Nẵng. Thể hiện; Công ty Đ T tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty để đảm bảo nợ vay. Nay công ty không thanh toán được khoản nợ đã vay nên đủ cơ sở chấp yêu cầu của nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp.

[2.4]- Nếu phát mãi tài sản thế chấp không thu hồi đủ trả nợ thì Công ty Đ T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thi hành xong.

Tại phiên Tòa hôm nay chị Đ Thị Ng T không chứng minh được khoản tiền phát mãi tài sản đã thế chấp là bao nhiêu tiền để chứng minh là chưa thu hồi đủ số nợ vay của công ty Đ T. Xét yêu cầu này không được chấp nhận.

[2.5]- Nếu đại diện nguyên đơn không thay đổi nội dung hòa giải thành ngày 11-4-2017, hết thời hạn 07 ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; tại mục 3 quyết định (mẫu 38-DS ban hành theo Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017) thì quyết định này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được quyết định của Tòa án mà công ty Đ T không thực hiện việc trả tiền thì VA... yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành quyết định mà Tòa án ban hành theo quy định tại Điều 7 của Luật thi hành án dân sự nên yêu cầu trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật không được chấp nhận.

[2.6]- Tại phiên Tòa ngày 16-5-2017, Công ty Đ T nộp đơn phản tố yêu cầu NH bồi thường cho Công ty Đ T số tiền thiệt hại là 3.122.603.500 đồng.

Căn cứ vào biên bản giao nhận ngày 21-6-2017 về việc: “công ty Đ T đã được nhận Quyết định về yêu cầu cung cấp chứng cứ và Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện” nhưng Công ty Đ T không thực hiện nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

- Về án phí kinh doanh thương mại: Công ty Đ T phải nộp 117.718.805 đồng, được tính cụ thể 9.718.804.895 đồng [(từ 4.000.000.000đ là 112.000.000đ) + [5.718.804.895đ x 0.1%] = 5.718.805đ; 112.000.000đ + 5.718.805đ = 117.718.805 đồng.

Do Công ty TVN... không phải nộp nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016 AL được Hội đồng Thẩm phán TAND TC thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty VA... đối với Công ty . Đ.T., về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty Đ T trả cho Công ty VA... tổng số tiền 9.718.804.895(Chín tỷ bảy trăm mười tám triệu tám trăm lẻ bốn ngàn tám trăm chín mươi lăm) đồng; trong đó: nợ gốc: 4.688.662.257(Bốn tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm năm mươi bảy) đồng, lãi trong hạn: 3.409.829.843(Ba tỷ bốn trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi ba) đồng, quá hạn: 1.620.312.795(Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu ba trăm mười hai ngàn bảy trăm chín mươi lăm) đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng(cho vay từng lần)số: 1602LAV2010. 00711 ngày 26/8/2010; số 1602LAV2010. 00829 ngày 14/9/2010; số: 602LAV2010. 01128 ngày 10/11/2010; số: 1602LAV2010. 01381 ngày 24/12/2010 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Công ty VA... có quyền phát mãi tài sản thế chấp là các xe ô tô khách do Công ty ĐT đứng tên chủ xe để thu hồi nợ cụ thể:

Xe biển kiểm soát số: 72L-3277 theo giấy đăng ký xe số: 002462 cấp ngày 23/8/2010; Xe biển kiểm soát số: 72N-7499 theo theo giấy đăng ký xe số: 001709 cấp ngày 06/9/2008; Xe biển kiểm soát số: 72N-9848 theo giấy đăng ký xe số: 010956 cấp ngày 31/7/2009; Xe biển kiểm soát số: 72N-9857 theo giấy đăng ký xe số: 010954 cấp ngày 31/7/2009; Xe biển kiểm soát số: 72L-3668 theo giấy đăng ký xe số: 003212 cấp ngày 26/10/2010 và Xe biển kiểm soát biển số: 72L-000.09 theo giấy đăng ký xe số: 003918 cấp ngày 16/12/2010.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Đ T phải nộp: 117.718.805đồng (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm mười tám ngàn tám trăm lẻ năm) đồng.

- Hoàn số tiền 57.955.900 (Năm mươi bảy triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm) đồng cho Công ty VA... theo biên lai thu số 01606 ngày 07/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

“ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Trúc